

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2020

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.
2. Ông Cao Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Nhật M Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Kim H Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H vắng mặt, ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn ngày 25/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phan Nhật M trình bày:

Ông M và bà Đỗ Kim H chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27/2008, Quyền số I do Ủy ban nhân dân phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội cấp ngày 23/5/2008. Việc chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng về suy nghĩ, về cách sống. Đặc biệt mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng trong cách chăm sóc và nuôi dạy con cái. Nhận thấy lối sống và cách nghĩ hoàn toàn khác biệt nhau nên ông M và bà H đã ly thân với nhau từ nhiều năm nay. Hiện nay, bà H đang sống cùng với 02 con tại địa chỉ: Phòng 2605, Tầng 26, Tòa T2, chung cư Palm Heights, khu đô thị PalmCity, đường Song Hành, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông M xác định không còn tình cảm với bà H, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông M và bà H có 02 con chung tên Phan Minh H, sinh ngày 14/3/2009 và Phan Minh K, sinh ngày 08/9/2010. Ông M đồng ý giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con số tiền 15.000.000 đồng/tháng/01 con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Đỗ Kim H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến trình bày của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Ông Phan Nhật M yêu cầu ly hôn với bà Đỗ Kim H nên căn cứ quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 09/7/2020 và kết quả trả lời xác minh của Công an phường An Phú, Quận 2 tại Phiếu yêu cầu xác minh số 279/PYCXM ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân Quận 2 thì có cơ sở xác định bị đơn là bà Đỗ Kim H hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ: Phòng 2605, Tầng 26, Tòa T2, chung cư Palm Heights, khu đô thị PalmCity, đường Song Hành, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn là bà Đỗ Kim H tham gia phiên tòa vào ngày 09/9/2020 và ngày 28/9/2020 nhưng bà H vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H.

Xét đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của ông M là tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Phan Nhật M, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định ông M và bà H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27/2008, Quyển số I do Ủy ban nhân dân phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội cấp ngày 23/5/2008. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà H là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[3.2] Căn cứ lời trình bày của ông M trong quá trình giải quyết vụ án thì giữa ông và bà H thường xuyên cãi nhau do bất đồng về suy nghĩ, về cách sống. Đặc biệt mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng trong cách chăm sóc và nuôi dạy con cái. Ông M và bà H đã sống ly thân và ông xác định không còn tình cảm với bà H. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên ông M yêu cầu được ly hôn với bà H.

[3.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Đỗ Kim H mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy bà H đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa bà và ông M. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông M và bà H là trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu của ông M xin ly hôn với bà H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.5] Về con chung: Ông M và bà H có 02 con chung tên Phan Minh H, sinh ngày 14/3/2009 và Phan Minh K, sinh ngày 08/9/2010. Do 02 con chung là con gái và hiện đang sống chung ổn định với bà H nên ông M đồng ý giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo Giấy xác nhận lương ngày 10/7/2020 do ông M cung cấp có xác nhận của Công ty Cổ phần tư vấn AIMS Việt Nam thì ông M có đủ điều kiện để cấp dưỡng nuôi con số tiền 15.000.000 đồng/tháng/01 con. Do đó, ông M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 15.000.000 đồng/tháng/01 con là có cơ sở chấp nhận.

[3.6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Ông Phan Nhật M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Đỗ Kim H không phải chịu án phí.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Nhật M:
 - 1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Nhật M được ly hôn với bà Đỗ Kim H.
 - 1.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phan Minh H, sinh ngày 14/3/2009 và Phan Minh K, sinh ngày 08/9/2010 cho bà Đỗ Kim H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.
 - 1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông M cấp dưỡng nuôi con số tiền 15.000.000 (mười lăm) đồng/tháng/01 con, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, ngay khi bản án có hiệu lực thi hành cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Đỗ Kim H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Nhật M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định trên thì hàng tháng ông M còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Phan Nhật M phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0027608 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông M phải nộp thêm số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Bà H không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Phan Nhật M và bà Đỗ Kim H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trúc Chi